

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/02/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+RP3	7:25	9+0	0+0		6+16	0+0	
2		BK9+CLO+RC10	7:25	8+7+1	0+0+0		5+13+4	0+0+0	
3		PVD8+CTK3	7:25	0+12	0+0		6+16	0+0	
4		T.UNG	7:45	14	0		15	0	tắt máy 2h
5		BK14+VSP02	9:25	12+0	0+0		19+3	0+0	
6		CTK3+P4	9:25	11+2	0+0		11+11	0+0	
7		CTK3+RP2	12:00	9+0	0+0		9+13	0+0	
8		BK16+CLO+BK9	12:00	16+0+0	0+0+0		8+10+3	0+0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày BK9-3ng, RP2-9ng, CL0-4ng, TNG-14ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1A	TO:RP2 - RP3	CREW: DUONG - HTRUNG - QTRUONG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0582	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VU HONG THUAN	RP2						67	PHUONG V	Vietnamese
2	LE XUAN TU	RP2						60	PHUONG T	Vietnamese
3	LE VIET DUNG	RP2						60	D-HANH	Vietnamese
4	MAI ĐANG TUAN	RP2						84	D-HANH	Vietnamese
5	HOANG PHUC LONG	RP2						67	D-HANH	Vietnamese
6	ĐÔI MẠNH CUONG	RP2				4	28	72	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC DUNG	RP2				1	5	74	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO HUNG ANH	RP2						79	D-HANH	Vietnamese
9	LE XUAN MINH	RP2				5	25	103	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	9	666	0	0	10	58	6		
2	RP3	0	0	0	0	0	0	16		
TOTAL		9	666	0	0	10	58	22		
WEIGHT KG			666		0		58			

GRAND TOAL: 724 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: XANH-1	TO: BK9 - CLO - RC10	CREW: KHOAN - CHIEN - DTUNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0585	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẶNG HOÀNG ANH	BK9	87	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK9				3	45	75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VĂN THỊNH	BK9						75	NIPI	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH HOÀ	BK9						95	NIPI	Vietnamese
5	VÕ THÈ HẬU	BK9	84-85	2	11			87	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TRƯỜNG AN	BK9	81	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN LÊ TÙNG	BK9	82-83	2	20			61	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ LY KHANH	BK9	86	1	10			90	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN THAI SƠN *	CLO	27	1	15			86	D-HANH	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HIỆU *	CLO						70	D-HANH	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN XA *	CLO						73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC TIẾN *	CLO				2	22	72	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ XUÂN THANH	CLO	22	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG PHƯƠNG NAM	CLO	20-21	2	15			70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG DUY KHÁNH	CLO				2	32	78	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ TUẤN VŨ	RC10	57	1	7	2	25	89	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	8	651	7	58	3	45	5		
2	CLO	7	523	4	39	4	54	13		
3	RC10	1	89	1	7	2	25	4		
TOTAL		16	1.263	12	104	9	124	22		
WEIGHT KG			1.263		104		124			

GRAND TOAL: 1.491 KGS

VSP REP.

[Signature]
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

[Signature]
NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

[Signature]
ĐỖ XUÂN HOÀN
ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:50
B.CARD: TRANG - 1	TO: PVD8 - CTK3	CREW: LINH - NPHÚ - TOAN	ETA: 09:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0588	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BOGDANOV EVGENI	CTK3	33	1	7			82	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN TRỌNG MINH	CTK3	34	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
3	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	87	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	400	1	10			45	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TIẾN DŨNG	CTK3	200	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH NHỎ HOANG	CTK3	99	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC TRI	CTK3	88	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VĂN HUY	CTK3	01	1	10			71	ANTOAN	Vietnamese
9	BUI VĂN DOANH	CTK3	03	1	12			66	YTE	Vietnamese
10	TRẦN THANH QUANG	CTK3	35	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ MINH HIỂU	CTK3	101,02	2	14			72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DANH TUÂN	CTK3	34	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	0	0	0	0	0	0	6		
2	CTK3	12	825	13	109	0	0	16		
TOTAL		12	825	13	109	0	0	22		
WEIGHT KG			825		109		0			

GRAND TOAL: 934 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:55
B.CARD: VANG-1	TO: T.UNG(+2H)	CREW: TRINH - CÔNG - NGHĨA	ETA: 13:00
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0581	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	SIDOROV I.N.	T.UNG				6	110	90	D-HANH	Russian
2	POPOV A.A.	T.UNG	07	1	3			78	D-HANH	Russian
3	BAGRAMOV A G	T.UNG	06	1	6			100	D-HANH	Russian
4	YASHNEV V Y	T.UNG						91	D-HANH	Russian
5	PHAM GIAP TRI	T.UNG	10	1	7			85	D-HANH	Vietnamese
6	MARCHENKO E.A.	T.UNG						52	D-HANH	Russian
7	SALIEV A.V.	T.UNG	09	1	7			94	D-HANH	Russian
8	DERIUZHENKO A.V.	T.UNG	08	1	5			81	D-HANH	Russian
9	NGUYEN VAN TUYEN	T.UNG						71	D-HANH	Vietnamese
10	AUBAKIROV A.R.	T.UNG						91	D-HANH	Russian
11	TRINH HUY HUNG	T.UNG						80	D-HANH	Vietnamese
12	BUI TRỌNG HAN	T.UNG						66	D-HANH	Vietnamese
13	CAO TUNG LAM	T.UNG						77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG NGHIA	T.UNG						85	VNHS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	14	1.141	5	28	6	110	15		
TOTAL		14	1.141	5	28	6	110	15		
WEIGHT KG			1.141		28		110			

GRAND TOAL: 1.279 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN KHÁNH TRÌNH

CAO VĂN CÔNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: BK14 - VSP02	CREW: DU'ONG - HTRUNG - QTRU'ONG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/0583	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAM THANH TAI	BK14	38-39	2	11			82	KH-THAC	Vietnamese
2	LE ANH TUAN (17373)	BK14	40	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
3	DOAN QUANG TUAN	BK14	41-42	2	10			72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG NGUYEN	BK14	33,43	2	10			88	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HONG MINH	BK14	34	1	12			91	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NHAN KHANH	BK14	32	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VIET LONG	BK14	35	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN THIN	BK14	30	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN BA LINH	BK14	36-37	2	22	2	25	63	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM DU'Y PHUC	BK14	47-48	2	18			68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN HUU	BK14	46	1	9			62	PSV	Vietnamese
12	HOANG VIET ANH	BK14	31	1	6			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	12	891	17	130	2	25	19		
2	VSP02	0	0	0	0	1	8	3		
TOTAL		12	891	17	130	3	33	22		
WEIGHT KG			891		130		33			

GRAND TOAL: 1.054 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI NGOC HA

CREW

BUI HOANG DUONG

NGUYEN DUC HANH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: Cam-2	TO:CTK3 - P4	CREW: XHOÀN - CHIÊN - DTÙNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/0586	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3	07	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯƠNG QUỐC BAO	CTK3	11	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3						81	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	06	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC CHIÊN	CTK3	08	1	4	1	15	67	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	09-10	2	16			59	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CTK3	01-02	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯỜNG VĂN HAI	CTK3	13-14	2	14			80	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ THANH HÀ	CTK3	12	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CÔNG AN	CTK3	03	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH LUẬN	CTK3	04	1	9	1	22	62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THĂNG	P4	17	1	4	1	15	72	PSV	Vietnamese
13	TRẦN TIẾN LỰC	P4	18	1	4			51	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	11	734	13	78	2	37	11		
2	P4	2	123	2	8	1	15	11		
TOTAL		13	857	15	86	3	52	22		
WEIGHT KG			857		86		52			

GRAND TOAL: 995 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐỖ VĂN CHIÊN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH -3	TO: CTK3 - RP2	CREW: DUONG - N.CUONG - THANH	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/0584	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG VIET HUNG	CTK3	24-25	2	20			69	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN KHAC THANG	CTK3	22-23	2	15			63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DINH CONG	CTK3	17-18	2	13			64	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG NGOC SANG	CTK3	16	1	12			54	KH-THAC	Vietnamese
5	LE NGOC GIAO	CTK3	20-21	2	20			80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NAM	CTK3	27	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
7	VU QUANG HAI	CTK3	19	1	13			74	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG PHUC THANG	CTK3	26	1	12			86	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3	28	1	3			65	HVJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	9	630	13	119	0	0	9		
2	RP2	0	0	0	0	1	9	13		
TOTAL		9	630	13	119	1	9	22		
WEIGHT KG			630		119		9			

GRAND TOAL: 758 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

BUI HOANG DUONG

PHAN NHU CUONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: BK16 - CLO - BK9	CREW: TUYỀN - MTHAO - HIẾU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/0587	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐỖ VĂN TƯỚI	BK16	43-44	2	16			64	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN QUY THUẬN	BK16	52,500	2	14			53	XAYLAP	Vietnamese
3	LƯƠNG VĂN THỨC	BK16	40	1	10			79	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN PHI HÙNG	BK16	50-51	2	14			64	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG ĐÌNH	BK16	20	1	9			57	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ ĐĂNG TIẾN	BK16	23,49	2	17			60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC ANH	BK16	35	1	8	1	15	75	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN HÙNG	BK16	69-70	2	13			55	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN TUẤN VIỆT	BK16	41-42	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM TUẤN ANH	BK16	97-98	2	13			46	XAYLAP	Vietnamese
11	TRỊNH ĐÌNH THÀNH	BK16	22	1	12	1	12	54	XAYLAP	Vietnamese
12	VÕ VĂN ĐẠO	BK16	99	1	11			67	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM VĂN ĐOÀN	BK16	21	1	16			63	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐÌNH THANH BÌNH	BK16	37	1	9			73	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN HỒNG THANH	BK16	98	1	16			74	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN THANH NAM	BK16	38-39	2	12			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK16	16	1.018	24	210	2	27	8		
2	CLO	0	0	0	0	0	0	10		
3	BK9	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		16	1.018	24	210	2	27	21		
WEIGHT KG			1.018		210		27			

GRAND TOAL: 1.255 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN

MAI VĂN THAO